

Bản án số: 158/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phạm Văn Nhơn.

2/ Bà Nguyễn Thị Cẩm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Trúc Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh **Hồ Hoàng M**, sinh năm 1991. (có mặt)

2. **Bị đơn:** Chị **Đào Hồng N**, sinh năm 1995. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp T, xã N, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 27/6/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hồ Hoàng M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đào Hồng N thành hôn vào năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 12/6/2015. Thời gian chung sống được 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng do chị N ham mê cơ bạc, gây nợ nần, không phụ giúp gì cho gia đình và đã ly thân từ tháng 4/2023 đến nay không hàn gắn lại được. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với chị Đào Hồng N.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Hồ Hoàng Ánh T, sinh ngày 07/9/2016 và Hồ Hoàng Khánh B, sinh ngày 18/12/2019 hiện đang sống chung với anh. Anh yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt không lý do dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, văn bản tố tụng là vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hồ Hoàng M được ly hôn với chị Đào Hồng N. Về con chung: Giao 02 con chung tên Hồ Hoàng Ánh T, sinh ngày 07/9/2016 và Hồ Hoàng Khánh B, sinh ngày 18/12/2019 cho anh Hồ Hoàng M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét. Về quan hệ tài sản: Anh N không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh N nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn, khấu trừ 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0011431 ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, anh N đã nộp đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của anh Hồ Hoàng M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn, nuôi con chung với chị Đào Hồng N cư trú ấp T, xã N, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Bị đơn chị Đào Hồng N được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Anh Hồ Hoàng M và chị Đào Hồng N thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40 vào ngày 12/6/2015 nên xem quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị N là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa anh N và chị N thời gian đầu sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do chị N ham chơi cờ bạc, gây nợ nần, không phụ giúp gì cho gia đình và vợ chồng ly thân từ tháng 4/2023 đến nay không hàn gắn được. Sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập hợp lệ để Tòa án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng chị N vắng mặt không lý do, anh N có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn lại được. Như vậy cho thấy tình cảm giữa anh N và chị N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của anh N là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét thấy con chung tên Hồ Hoàng Ánh T, sinh ngày 07/9/2016 và Hồ Hoàng Khánh B, sinh ngày 18/12/2019 hiện đang sống trực tiếp với anh N, cuộc sống của các cháu cũng đảm bảo, cháu T có nguyện vọng muốn sống chung với anh N. Anh N yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng. Chị N không có ý kiến gì về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Nên Hội đồng xét xử xét giao 02 con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đào Hồng N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Hồ Hoàng M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hồ Hoàng M phải nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Hồ Hoàng M. Xử cho anh N ly hôn với chị Đào Hồng N.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Hồ Hoàng Ánh T, sinh ngày 07/9/2016 và Hồ Hoàng Khánh B, sinh ngày 18/12/2019 cho anh Hồ Hoàng M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đào Hồng N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Hồ Hoàng M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Hồ Hoàng M phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) anh N đã nộp theo biên lai thu số 0011431 ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Anh N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
 - VKSND huyện Trà Ôn;
 - THADS huyện Trà Ôn;
 - UBND xã N, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 12/6/2015);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thuý An